

Số: 20/2025/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 17 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất gỗ lớn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 4351/TTr-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất gỗ lớn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Chính sách này nhằm hỗ trợ các hoạt động đầu tư trồng rừng gỗ lớn thuộc quy hoạch rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng: Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất hoặc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã sử dụng đất ổn định theo quy định của pháp luật về đất đai, không có tranh chấp, có nhu cầu hỗ trợ trồng rừng sản xuất gỗ lớn và có cam kết khai thác từ sau 10 năm tuổi trên diện tích đất quy hoạch cho phát triển rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nội dung chính sách

1. Hỗ trợ 42 triệu đồng/ha (*không bao gồm: Chi phí thiết kế trồng rừng, chi phí quản lý, chi phí khác*) để thực hiện trồng các loài cây sinh trưởng nhanh (với chu kỳ khai thác 10-15 năm), tương đương với khoảng 25% tổng mức đầu tư khoảng 169 triệu đồng/ha, với các nội dung hỗ trợ chia làm các đợt như sau:

a) Đợt 1 hỗ trợ 23 triệu đồng/ha. Các nội dung hỗ trợ, gồm: Tiền mua cây giống, phân bón, nhân công trồng rừng và chăm sóc năm thứ nhất;

b) Đợt 2 hỗ trợ 9 triệu đồng/ha. Các nội dung hỗ trợ, gồm: Tiền công chăm sóc rừng trồng và bón phân năm thứ hai;

c) Đợt 3 hỗ trợ 6 triệu đồng. Các nội dung hỗ trợ, gồm: Chi phí thiết kế tía thưa, tiền công tía thưa và vệ sinh rừng sau tía thưa năm thứ tư hoặc năm thứ năm;

d) Đợt 4 hỗ trợ 4 triệu đồng/ha. Các nội dung hỗ trợ, gồm: Chi phí thiết kế tía thưa, tiền công tía thưa và vệ sinh rừng sau tía thưa vào năm thứ bảy hoặc năm thứ tám.

2. Hỗ trợ 75 triệu đồng/ha (*không bao gồm: Chi phí thiết kế trồng rừng, chi phí quản lý, chi phí khác*) để thực hiện trồng các loài cây sinh trưởng chậm với chu kỳ khai thác sau 15 năm, tương đương với khoảng 37% tổng mức đầu tư khoảng 202 triệu đồng/ha, với các nội dung hỗ trợ chia làm các đợt như sau:

a) Đợt 1 hỗ trợ 32 triệu đồng/ha. Các nội dung hỗ trợ, gồm: tiền mua cây giống, phân bón, tiền nhân công trồng và chăm sóc năm thứ nhất;

b) Đợt 2 hỗ trợ 14 triệu đồng/ha. Các nội dung hỗ trợ, gồm: Tiền công chăm sóc, phân bón năm thứ hai;

c) Đợt 3 hỗ trợ 13 triệu đồng/ha. Các nội dung hỗ trợ, gồm: Tiền công chăm sóc, phân bón năm thứ ba;

d) Đợt 4 hỗ trợ 6 triệu đồng/ha. Các nội dung hỗ trợ, gồm: Tiền công chăm sóc, phân bón năm thứ tư;

e) Đợt 5 hỗ trợ 6 triệu đồng/ha. Các nội dung hỗ trợ, gồm: Chi phí thiết kế tía thưa, tiền công tía thưa và vệ sinh rừng sau tía thưa lần 1 vào năm thứ bảy hoặc năm thứ tám;

g) Đợt 6 hỗ trợ 4 triệu đồng/ha. Các nội dung hỗ trợ, gồm: Chi phí thiết kế tía thưa, tiền công tía thưa và vệ sinh rừng sau tía thưa lần 2 vào năm thứ 13 hoặc năm thứ 14.

3. Hỗ trợ một lần kinh phí cho công tác khảo sát, thiết kế, lập dự toán trồng rừng gỗ lớn với mức 1,4 triệu đồng/ha thực hiện trong năm đầu tiên.

4. Hỗ trợ chi phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu 10% trên tổng mức hỗ trợ theo công trình lâm sinh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Hỗ trợ chi phí thẩm định thiết kế, dự toán, quyết toán và chi phí khác liên quan theo quy định trong tổng mức dự toán hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Phương thức hỗ trợ và nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Thực hiện hỗ trợ theo hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Nguồn kinh phí được sử dụng từ nguồn tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và nguồn huy động, tài trợ hợp pháp khác.

Điều 4. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 9 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 526/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình về chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất gỗ lớn tỉnh Hoà Bình.

3. Trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực các nội dung đang thực hiện theo Nghị quyết số 526/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình thì tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề thứ Hai thông qua ngày 17 tháng 9 năm 2025./.

CHỦ TỊCH
Bùi Văn Quang